

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

KHOA Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành/chuyên ngành: **Dược học**

Mã số: **7720201**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần: **DƯỢC LÝ 2**

1.2. Mã học phần: **PHA211131**

1.3. Số tín chỉ: **03 (2 LT/1 TH)**

1.4. Loại học phần (bắt buộc/lựa chọn): **Bắt buộc**

1.5. Điều kiện tham gia học phần:

- Học phần tiên quyết: **DƯỢC LÝ I (PHA111131)**

- Học phần học trước:

- Học phần song hành:

1.6. Các giảng viên phụ trách HP:

Giảng viên phụ trách chính: **Phạm Văn Báo**

Các giảng viên cùng giảng dạy: **Phạm Hồng Châu**

2. Mô tả học phần

Học phần Dược lý 2 cung cấp kiến thức về các nhóm thuốc điều trị các bệnh lý thường gặp thuộc các hệ cơ quan như: tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nội tiết, kháng sinh và thuốc điều trị ung thư. Học phần tập trung vào cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn, tương tác thuốc và nguyên tắc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả. Người học sẽ được phát triển kỹ năng tư duy lâm sàng trong lựa chọn thuốc và nhận biết các phản ứng có hại của thuốc nhằm phục vụ cho công tác hành nghề dược và học tập các học phần chuyên ngành liên quan.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

Bảng 1. Mục tiêu của học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
CO 1	Trình bày được khái niệm, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, cách dùng của nhóm thuốc tác dụng trên các cơ quan máu, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, hạ sốt- giảm đau- chống viêm, bệnh gout, kháng histamine.	PLO4	3/6
CO 2	Trình bày được khái niệm, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, cách dùng của nhóm thuốc điều trị các vi sinh vật: kháng sinh, lao, sốt rét, amip, giun sán, nấm, virus. Trình bày được khái niệm, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, cách dùng của nhóm thuốc hóa trị liệu.	PLO5	3/5
CO 3	Phân tích được một số tác nhân gây ngộ độc và các giải pháp chủ yếu điều trị ngộ độc cấp. Thực hiện được các kỹ thuật thực nghiệm cơ bản, xử lý được số liệu thực nghiệm, số liệu nghiên cứu về đánh giá tác dụng của các thuốc.	PLO6; PLO10	3/5 4/5
CO 4	Nhận thức được Dược lý là học phần chuyên ngành rất cơ bản, cốt lõi, từ đó xác định mục tiêu học tập, nghiên cứu để có kiến thức chuyên môn sâu rộng, góp phần sử	PLO11;	4/5

	dụng thuốc hợp lý, hiệu quả và an toàn.	PLO12	4/5
--	---	-------	-----

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Bảng 2. Mô tả chuẩn đầu ra học phần DƯỢC LÝ 2 đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT ngành DƯỢC HỌC

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho học phần DƯỢC LÝ 2			CLOs HP DƯỢC LÝ 2				
Ký hiệu	Mô tả	Trình độ năng lực	Ký hiệu	Mô tả	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	Trình độ năng lực	Chương HP đảm nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
PLO4 (1.2.2)	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành dược học và y dược học cổ truyền trong bảo tồn, khai thác, nuôi trồng, chế biến, sản xuất, tư vấn sử dụng dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu.	3/6	CLO1 [1.2.1.1]	Trình bày được cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn và các lưu ý khi sử dụng các nhóm thuốc điều trị bệnh lý hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nội tiết và kháng sinh.	I, T	3/6	Chương 1 – 8
			CLO2 [1.2.1.2]	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả và an toàn khi sử dụng thuốc trong lâm sàng.	I, T	3/6	Chương 1 – 8

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho học phần DƯỢC LÝ 2			CLOs HP DƯỢC LÝ 2				
PLO5 (2.1.1)	Vận dụng được các văn bản pháp quy về dược có liên quan đến lĩnh vực hoạt động chuyên môn trong các định hướng chuyên ngành	3/6	CLO3 (2.1.1.1)	Vận dụng quy định pháp luật và hướng dẫn chuyên môn để lựa chọn, sử dụng thuốc hợp lý, đặc biệt là các thuốc kháng sinh và thuốc kiểm soát đặc biệt.	T, U	3/6	Chương 1 – 8 Bài 1 – 7
PLO6 (2.2.1)	Có kỹ năng thực hiện các hoạt động: Liên quan đến phân biệt, nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kiểm nghiệm, tư vấn và hướng dẫn sử dụng một số dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu: Liên quan đến chiết xuất, kiểm nghiệm, bào chế, đánh giá chất lượng một số dạng thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe.	3/5	CLO4 (2.2.1.1)	Vận dụng kiến thức dược lý học để hướng dẫn sử dụng thuốc đúng liều, đúng đường dùng, phù hợp với từng bệnh lý cụ thể.	I, T, U	3/5	Chương 1 – 8 Bài 1 – 7
PLO10	Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực	4/5	CLO5	Tra cứu, phân tích và trình bày được thông tin thuốc thông qua	T; U	3/5	Chương 1 – 8

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho học phần DƯỢC LÝ 2			CLOs HP DƯỢC LÝ 2				
(2.3.1)	ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động chuyên môn;		(2.3.1.1)	tiếng Anh chuyên ngành và công cụ công nghệ thông tin phục vụ học tập và hành nghề.			Bài 1 – 7
PLO 11 [3.1.1]	Có lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Có khả năng tự học tập và phát triển chuyên môn cao hơn.	4/5	CLO6 [3.1.1.1]	Có ý thức tự học, cầu tiến, trung thực trong học tập và thực hành nghề nghiệp; tích cực cập nhật kiến thức mới.	U	4/5	Chương 1 – 8 Bài 1 – 7
PLO 12 [3.2.1]	Tôn trọng, hợp tác với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp và đối tác; Có ý thức trách nhiệm với xã hội và môi trường.	4/5	CLO7 [3.2.1.1]	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp, có ý thức xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tự chịu trách nhiệm việc được giao.	U	4/5	Chương 1 – 8 Bài 1 – 7

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các chương cho việc đạt các CLOs

PLOs được phân nhiệm	PLO 4		PLO 5	PLO6	PLO10	PLO 11	PLO 12
CLOs Bài giảng	Kiến thức cơ sở ngành		Kỹ năng bổ trợ chuyên ngành			NL tự chủ	Tự chịu trách nhiệm
	1	2	3	4	5	6	7

Chương 1	X	X					
Chương 2		X	X	X	X	X	X
Chương 3		X	X	X	X	X	X
Chương 4		X	X	X	X	X	X
Chương 5		X	X	X	X	X	X
Chương 6		X	X	X	X	X	X
Chương 7		X	X	X	X	X	X
Chương 8		X	X	X	X	X	X

5. Đánh giá học phần (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

Bảng 4. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR HP được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp	CLO1,2,3,4,5,6,7	10	Điểm danh trên lớp	Các buổi học
Thái độ học tập	Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp và bài tập về nhà	CLO1,2,3,4,5,6,7	10	Thông qua các hoạt động trên lớp	Các buổi học
A1.2. Kiểm tra định kỳ					

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR HP được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
	Bài kiểm tra 1	CLO1,2,3,4	30	Tự luận	Chương 1 – 4
	Bài kiểm tra 2	CLO1,2,3,4,5,6		Tự luận	Chương 5 – 8
	Bài kiểm tra 3	CLO1,2,3,4,5,6,7		Tự luận	Chương 1 – 8
A2. Đánh giá cuối kỳ					
	Thi cuối kỳ	CLO1,2,3,4	50	Tự luận	Theo lịch thi của phòng QLĐT

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CĐR học phần (lấy ở cột (3) Bảng 4 đưa xuống bảng này)

PLOs được phân nhiệm	PLO 4		PLO 5	PLO6	PLO10	PLO 11	PLO 12
CLOs Bài giảng	Kiến thức cơ sở ngành		Kỹ năng bổ trợ chuyên ngành			NL tự chủ	Tự chịu trách nhiệm
	1	2	3	4	5	6	7
A1.1	X	X	X	X	X	X	X
A1.2	X	X	X	X	X		
A2	X	X	X	X	X		

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần: DƯỢC LÝ 2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
----	------------------------------------	-----------------	--------------	--------------	----------------------	--------------

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chương 1. Thuốc tác dụng trên tim mạch A. Thuốc điều trị suy tim 1. Đại cương 2. Thuốc điều trị suy tim B. Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim 1. Đại cương 2. Các thuốc điều trị loạn nhịp tim C. Thuốc điều trị cơn đau thắt ngực 1. Đại cương 2. Các thuốc 3. Thuốc điều trị nhồi máu cơ tim D. Thuốc điều trị tăng huyết	5	CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống	A1.1 A1.2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	áp 1. Đại cương 2. Thuốc điều trị tăng huyết áp 3. Sự phối hợp thuốc					
2	Chương 2. Thuốc lợi tiểu và hạ lipid máu 1. Thuốc lợi tiểu 2. Thuốc hạ lipid máu	3	CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống	A1.1 A1.2
3	Chương 3: Thuốc điều trị viêm loét dạ dày – Tá tràng, chống đông máu và điều trị thiếu máu 1. Thuốc điều trị viêm loét dạ dày- tá tràng 2. Thuốc tác dụng trên quá trình đông máu và tiêu fibrin 3. Thuốc điều trị thiếu máu	3	CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống	A1.1 A1.2
4	Chương 4. Kháng sinh					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	A. Đại cương về kháng sinh 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Cơ chế tác dụng của kháng sinh 4. Sự kháng kháng sinh của vi khuẩn 5. Tác dụng không mong muốn của kháng sinh 6. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh B. Beta lactam 1. Các Penicilin 2. Các cephalosporin 3. Các kháng sinh beta lactam khác C. Phenicol 1. Cloramphenicol	5	CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống	A1.1 A1.2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	2. Thiamphenicol D. Tetracyclin 1. Các tetracycline tự nhiên 2. Các tetracycline bán tổng hợp E. Marcrolid và lincosamid 1. Macrolid 2. Lincosamid F. Aminoglycosid và spectinomycin 1. Aminoglycosid 2. Spectinomycin G. Peptid 1. Glycopeptid 2. Polypeptid H. Quinolon 1. Acid nalidixic 2. Fluoroquinolon					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	I. Trimethoprim và sulfamethoxazol Co- trimoxazol					
5	Chương 5: Thuốc điều trị lao, sốt rét, amip, giun và nấm I. Thuốc điều trị lao 1. Đại cương 2. Các thuốc điều trị lao II. Thuốc điều trị sốt rét 1.Đại cương 2. Các thuốc điều trị sốt rét 3. Liều dung một số thuốc điều trị sốt rét III. Thuốc diệt amip và Trichomonas vaginalis 1.Đại cương 2. Các thuốc điều trị IV. Thuốc điều trị giun sán	4	CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống	A1.1 A1.2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	1. Đại cương 2. Thuốc điều trị giun 3. Thuốc điều trị sán V. Thuốc chống nấm					
6	Chương 6: Thuốc kháng virus, điều trị ung thư và thuốc giảm đau hạ sốt chống viêm và điều trị Gút I. Thuốc kháng virus 1.Đại cương 2. Thuốc kháng herpes 3. Thuốc kháng virus hô hấp 4. Thuốc kháng HIV II. Thuốc điều trị ung thư 1.Đại cương 2. Thuốc kháng chuyển hóa 3. Nhóm alkyl hóa		CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống	A1.1 A1.2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	4. Thuốc chống phân bào 5. Kháng sinh trị ung thư 6. Hormon và kháng hormone 7. Thuốc ảnh hưởng tới hệ miễn dịch 8. Các thuốc khác III. Thuốc giảm đau- hạ sốt- chống viêm và thuốc điều trị bệnh gút 1. Đại cương 2. Các thuốc giảm đau- hạ sốt- chống viêm 3. Thuốc giảm đau không phụ thuộc nhóm opiate 4. Thuốc điều trị bệnh gút	5				
7	Chương 7. Hormon và thuốc điều chỉnh rối loạn nội tiết 1.Đại cương		CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống,	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình	A1.1 A1.2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	2. Hormon tuyến yên 3. Hormon vỏ thượng thận 4. Hormon tuyến tụy và thuốc hạ đường huyết 5. Hormon tuyến giáp và thuốc kháng giáp 6. Hormon cận giáp 7. Hormon sinh dục và thuốc tránh thai	2		giải đáp	huớng	
8	Chương 8: Vitamin, Histamin và thuốc điều trị ngộ độc I. Vitamin 1. Đại cương 2. Các vitamin tan trong dầu 3. Các vitamin tan trong nước II. Histamin và thuốc kháng histamine 1. Histamin	3	CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống	A1.1 A1.2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	2. Thuốc kháng histamine H1 III. Ngộ độc cấp và điều trị ngộ độc cấp 1. Một số tác nhân gây độc 2. Điều trị ngộ độc cấp					
	TỔNG	30				
PHẦN THỰC HÀNH						
	Bài 1. Tác dụng gây mê của thiopental	5	CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thực hành, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, thực hành, tình huống	A1.1 A1.2
	Bài 2. Đánh giá tác dụng chống co giật của thuốc	5	CLO _{1,2,3,4,5,6,7} PLO12	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thực hành, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, thực hành, tình huống	A1.1 A1.2
	Bài 3. Đánh giá tác dụng giảm ho, long đờm của thuốc	4	CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thực hành, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, thực hành, tình huống	A1.1 A1.2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	Bài 4. Đánh giá tác dụng giảm đau của thuốc	4	CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thực hành, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, thực hành, tình huống	A1.1 A1.2
	Bài 5. Đánh giá tác dụng chống viêm cấp của thuốc	4	CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thực hành, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, thực hành, tình huống	A1.1 A1.2
	Bài 6. Đánh giá tác dụng trên tim ếch tại chỗ của thuốc	4	CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thực hành, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, thực hành, tình huống	A1.1 A1.2
	Bài 7. Xác định LD50 của thuốc trên động vật gặm nhấm	4	CLO _{1,2,3,4,5,6,7}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thực hành, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, thực hành, tình huống	A1.1 A1.2
	TỔNG SỐ THỰC HÀNH	30				

7. Học liệu

Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Bộ Y tế	2007	Dược lý học Tập II	NXB Y học
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	Đại học Dược Hà Nội	2018	Thực tập Dược lý	Đại học Dược Hà Nội
3	Đại học Y Hà Nội	2003	Dược lý lâm sàng	NXB Y học
4	Bộ Y tế	2002	Dược thư quốc gia	NXB Y học

Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Dược thư quốc gia Việt Nam (tra cứu thông tin thuốc nội địa)	http://dav.gov.vn/web/guest/duoc-thu-quoc-gia	6/2021
2	Thông tin thuốc, tương tác thuốc, cơ chế tác dụng	https://www.drugs.com	6/2021

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung bài học/chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	

1	Giảng đường nhà C	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team.... - Mạng internet, wifi	01	Chương 1 – 8 Bài 1 – 7

9. Các rubrics đánh giá kết quả học tập

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng

						số
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể, biết thiết kế trên video	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu	25%

	không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu	nghe khi trình bày.	thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	
--	--	---------------------	---	--	--	--

Rubric 3: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	<30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào	Hiếm khi tham gia vào thảo luận	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm	Thường xuyên tham gia thảo luận	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý	30%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
	việc thảo luận của nhóm.	nhóm và đóng góp ý kiến	và đóng góp ý kiến	nhóm và đóng góp ý kiến hay	kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm	
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm	20%

Rubric 4: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font	Không có bài tập Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận logic sử	30%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
	chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài không phù hợp.	chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài không phù hợp.	bài rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú)	sử dụng trong bài tập rõ ràng, hợp lý. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý	dùng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận đúng, rõ ràng	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận chứng cứ logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý	50%

Hải Dương, ngày..... tháng.....năm 2021

Trưởng khoa

Người biên soạn

(Đã ký)

(Đã ký)

GS.TSKH. Phùng Đức Cam

Phạm Văn Báo